

# MỘT SỐ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC \*

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (2-1930) đã nêu rõ mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là làm cho nước ta hoàn toàn độc lập và tiến tới xã hội cộng sản. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc- kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH. Với đại thắng mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất và bước vào thời kỳ xây dựng CNXH trên cả nước.

Xây dựng CNXH ở Việt Nam thực sự là một cuộc cải biến cách mạng sâu sắc, một sự nghiệp to lớn và đầy khó khăn phức tạp. Từ một nước phong kiến lạc hậu lại bị chủ nghĩa thực dân thống trị, sau khi giành được độc lập, Việt Nam tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Nước ta sau Cách mạng tháng Tám lại phải tiến hành kháng chiến mấy chục năm để giành độc lập hoàn toàn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Cách mạng XHCN và công cuộc xây dựng CNXH diễn ra ở nhiều nước tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam, song các nước XHCN vẫn đang còn phải tìm tòi, khảo nghiệm con đường và mô hình xây dựng CNXH và có không ít

những khó khăn, vấp vấp bên cạnh những thành tựu được khẳng định. Với những đặc điểm và hoàn cảnh như thế nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc từ 1954 đến 1975 và trên cả nước từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX đã có được những thành quả nhất định, khẳng định sức sống, tính hiện thực và ưu việt của CNXH đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế, khuyết tật và đặt ra nhiều vấn đề phải nhận thức đúng đắn hơn cả về lý luận và thực tiễn.

Cuối những năm 70 đầu những năm 80, các nước XHCN lâm vào tình trạng trì trệ, kém hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội. Thực tế đó đặt ra yêu cầu khách quan phải cải cách, cải tổ toàn diện đời sống xã hội, trước hết là về kinh tế. Trung Quốc đã tiến hành cải cách mở cửa từ Hội nghị Trung ương 3 Khoá XI ĐCS Trung Quốc (12-1978). Đầu những năm 80, sau nhiều bước đi cụ thể, Liên Xô đã đi vào công cuộc cải tổ từ Hội nghị Trung ương ĐCS Liên Xô tháng 4 - 1985. Các nước XHCN ở Đông Âu cũng có những khởi động tương tự. Với những điều kiện và lý do khác nhau mà công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc đã thắng lợi to lớn cho đến hôm nay, còn công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã không thành công dẫn đến sụp đổ chế độ XHCN ở các nước đó vào những năm 1989, 1990 và 1991.

Nhiều năm trước Đại hội VI của Đảng, do những lý

\* Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

## THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

do khách quan, đặc biệt là lý do chủ quan mà Việt Nam đã lâm vào khủng hoảng kinh tế-xã hội. Do vậy, Việt Nam cũng đứng trước yêu cầu phải thay đổi nhận thức và chính sách thực tiễn để xây dựng CNXH có hiệu quả. Đảng, Nhà nước và nhân dân cả nước đã trải qua những bước khảo nghiệm, tìm tòi con đường đổi mới. Khởi đầu là Nghị quyết Trung ương 6 Khoá IV (8-1979) chủ trương giải phóng sức sản xuất, làm cho sản xuất bung ra. Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư ngày 13-1-1981 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, Quyết định 25 - CP và 26 - CP ngày 21-1-1981 bước đầu đổi mới cơ chế quản lý trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Đại hội V của Đảng điều chỉnh cơ cấu, quy mô, bước đi của công nghiệp hoá, đặt nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu và đề ra nhiệm vụ cho *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ quá độ. Nghị quyết Trung ương 8 Khoá V (6 - 1985) xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp để chuyển sang hạch toán kinh doanh và lấy giá-lương-tiền làm khâu đột phá. Những kết luận quan trọng của Bộ chính trị tháng 8-1986 về cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và cơ chế quản lý là bước quan trọng trong đổi mới tư duy chuẩn bị cho văn kiện trình Đại hội VI.

Đại hội VI của ĐCS Việt Nam (12-1986) đã hoạch định đường lối đổi mới, phản ánh sự đổi mới tư duy lý luận và phương pháp đánh giá thực tiễn làm cơ sở để đổi mới cơ cấu kinh tế, thực hiện chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tiêu chuẩn hàng đầu; đổi mới vai trò quản lý điều hành vĩ mô của Nhà nước; đổi mới hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài; đổi mới nội dung, phong cách lãnh đạo của Đảng trên cơ sở sát dân, sát thực tiễn, nắm vững và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, nóng vội và cả sự bảo thủ, trì trệ.

Đại hội VI của Đảng là bước ngoặt lịch sử, đổi mới nhận thức và hành động của quá trình xây dựng

CNXH ở Việt Nam. Công cuộc xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới suốt 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử khẳng định tính hiện thực, đúng đắn của con đường XHCN ở Việt Nam. Quá trình xây dựng CNXH trong những năm đổi mới đã có thể bước đầu nêu ra một số kinh nghiệm chủ yếu.

*Một là, trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đổi mới tư duy lý luận nhận thức rõ hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.* Đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra là sản phẩm của 2 vấn đề quan trọng nhất về tư duy lý luận: nhận thức rõ những đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ và những quy luật khách quan của quá trình xây dựng CNXH ở một nước vốn từ nền nông nghiệp lạc hậu, chưa qua phát triển CNTB, tiến thẳng lên CNXH ở Việt Nam.

Công cuộc xây dựng CNXH ngày càng cho thấy những đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ mà Mác, Lênin và Hồ Chí Minh dự báo và thực hiện, có cơ sở khoa học và tính hiện thực. Sự tồn tại và phát triển của nhiều thành phần kinh tế trong suốt thời kỳ quá độ là đặc trưng cơ bản hàng đầu. Rất tiếc là bước vào thời kỳ quá độ, nhiều nước XHCN và cả Việt Nam đã không nhận thức rõ đặc trưng này nên trong quá trình cải tạo nền kinh tế đã xoá bỏ các thành phần kinh tế khác chỉ để tồn tại kinh tế quốc doanh và tập thể. Đổi mới là nhận thức lại và chủ trương phát triển các thành phần kinh tế trong suốt thời kỳ quá độ. Các đặc trưng về chế độ chính trị, về cơ cấu xã hội, về thời gian và các chặng đường phát triển trong thời kỳ quá độ đã được các nhà kinh điển đề cập rõ ràng, nhưng có những vấn đề đã chưa được nhận thức và vận dụng đúng đắn. Đổi mới ở Việt Nam đã nhận thức rõ hơn vai trò các giai cấp, các lực lượng xã hội trong xây dựng CNXH, vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, nhận thức rõ hơn về những chặng đường, bước đi và tính chất lâu dài của thời kỳ quá độ, khắc phục tư tưởng chủ quan nóng vội. Việc đề ra những nhiệm vụ cho *chặng đường đầu*

tiên của thời kỳ quá độ và mục tiêu của chặng đường CNH, HDH đất nước là nhận thức rõ hơn về các chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ.

Về các quy luật khách quan cũng đã được nhận thức rõ hơn, nhất là quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Trong xây dựng CNXH trước đây ta đã đưa quan hệ sản xuất phát triển quá nhanh, quá cao trong khi lực lượng sản xuất còn rất thấp kém, lạc hậu. Vì vậy, quan hệ sản xuất mới chẳng những không có tác dụng mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển như mong muốn mà còn không phát huy được tính tích cực của nó. Kết quả là sản xuất và nền kinh tế-xã hội ngày càng phát triển kém hiệu quả và lâm vào khủng hoảng. Đổi mới là nhận thức lại quy luật đó, tập trung phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đẩy nhanh cách mạng khoa học công nghệ để từ đó xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp. Các quy luật khác cũng được nhận thức rõ và vận dụng đúng đắn hơn để giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo ra những tiền đề, những động lực để phát triển kinh tế, hoàn thiện hệ thống chính trị, giải quyết đúng đắn hơn những vấn đề về tiến bộ, công bằng xã hội, về văn hoá, đạo đức và phát triển con người.

CNXH là xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất tạo tiền đề để xoá bỏ bóc lột và mọi sự áp bức bất công, mưu cầu cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc cho nhân dân, cho mọi con người. Nhưng xây dựng CNXH là một quá trình lâu dài và do đó xoá bỏ tư hữu cũng là một quá trình lâu dài. Không thể ngay lập tức xoá bỏ chế độ tư hữu cũng giống như không thể ngay lập tức xây dựng được lực lượng sản xuất hiện đại. Điều đó đã được Ăngghen khẳng định trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (1847). Chưa thể xoá bỏ ngay chế độ tư hữu cũng có nghĩa là chưa thể xoá bỏ ngay tình trạng bóc lột trong xã hội, nhất là khi còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế. Thời kỳ quá độ lên CNXH là rất dài và phải trải qua những chặng đường, bước đi cụ thể, có bước quá độ nhỏ

trong quá độ lớn. Điều đó đã được Lênin lý giải một cách khoa học. Lênin từng chỉ rõ: "Trong trường hợp tốt nhất thì bước quá độ ấy cũng chiếm mất nhiều năm. Suốt cả thời kỳ đó, trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả các khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả cái khó khăn của chính sách và tất cả sự khéo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ"<sup>1</sup>. Đổi mới của Việt Nam là quá trình Đảng, Nhà nước ta đã nhận thức rõ hơn thời kỳ quá độ lâu dài và những bước quá độ nhỏ hơn để đề ra nhiệm vụ, mục tiêu cho từng chặng đường, bước đi cụ thể. Nhận thức đúng đắn về thời kỳ quá độ đã có ý nghĩa chỉ đạo để đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cho từng chặng đường như những nấc thang phát triển để tiến tới xây dựng thành công CNXH về căn bản.

*Hai là, không ngừng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ mục tiêu và mô hình chế độ XHCN phù hợp với thực tiễn Việt Nam.* Khi công cuộc đổi mới của Việt Nam đang tiến triển và có những thành công bước đầu thì CNXH trên thế giới khủng hoảng trầm trọng và sụp đổ ở một số nước. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* do Đại hội VII ĐCS Việt Nam (6-1991) thông qua đã nhận định: Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới CNXH vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.*

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH, tổng kết mấy chục năm xây dựng CNXH ở miền Bắc và trên cả nước, nhất là thực tiễn sinh động của những năm đầu đổi mới, *Cương lĩnh* đã lần đầu tiên đề ra mô hình 6 đặc trưng của chế độ CNXH ở Việt Nam.

Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ;
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản

## THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

xuất chủ yếu;

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân;
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ;
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Đại hội VII của Đảng đã xác định rõ *mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường XHCN*. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ xây dựng CNXH ở miền Bắc đã rất nhiều lần nhắc tới mục tiêu *dân giàu, nước mạnh*. Người nêu rõ: “*Chủ nghĩa xã hội nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng*”<sup>2</sup>. “*Xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là xây dựng đời sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân*”<sup>3</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn đạt CNXH và mục tiêu của CNXH là đất nước giàu mạnh, con người được no ấm, được học hành, sung sướng và hạnh phúc. Người nói: “*Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy*”<sup>4</sup>. Người nhấn mạnh, không chế độ nào quan tâm đến lợi ích và quyền con người như chế độ XHCN.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trong công cuộc đổi mới, ĐCS Việt Nam hướng mục tiêu và mô hình xây dựng CNXH vào phục vụ con người, nhân dân và khơi dậy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nhân dân, của con người trong sự nghiệp tự giác và sáng tạo để xây dựng xã hội hoàn toàn mới. Đại hội VIII xác định mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*. Đại hội IX bổ sung thêm và nêu rõ mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Phải trên cơ sở tư duy đổi mới và kết quả của hoạt động thực tiễn của công cuộc đổi mới, mới có thể xác định rõ được mục tiêu đó. Mục tiêu đó đã và đang được hiện thực hoá theo từng bước phát triển của quá

trình đổi mới. Mỗi chữ trong mục tiêu đó được thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, trong các chính sách, bước đi cụ thể và trong sự phát triển và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước. Mỗi chữ đó đều hàm chứa nội dung mới và có quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau.

Đại hội X của ĐCS Việt Nam (4-2006) đã tổng kết 20 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và những bài học chủ yếu. *Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh* là bài học hàng đầu của công cuộc đổi mới. Mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH là thống nhất, có quan hệ mật thiết, quyết định lẫn nhau, đồng thời ngày càng được làm sáng tỏ, phản ánh sự phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn của quá trình đổi mới đã dẫn tới “*Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản*”<sup>5</sup>.

Cũng từ thực tiễn đổi mới, Đại hội X đã phát triển, làm sáng tỏ hơn mô hình của chế độ XHCN ở Việt Nam. “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới*”<sup>6</sup>.

*Ba là, giữ vững nguyên tắc nhưng nhạy bén nắm*

*bắt cái mới, sử dụng có hiệu quả nhiều giải pháp mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH.* Theo quy luật phát triển tất yếu của lịch sử, các dân tộc cuối cùng sẽ đi tới CNXH. Nhưng bằng con đường nào và những phương pháp, biện pháp gì để đạt mục tiêu CNXH đòi hỏi mỗi dân tộc, quốc gia phải có sự lựa chọn hình thức, bước đi thích hợp. Thực tiễn của quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam cho thấy đó là một quá trình lâu dài và phải trải qua nhiều chặng đường, bước đi cụ thể với những nội dung, mục tiêu cụ thể. Mười năm sau đổi mới (1996), Việt Nam đã hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra cho *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ quá độ lên CNXH là tạo được những tiền đề cần thiết về kinh tế, xã hội, văn hoá, cơ sở vật chất-kỹ thuật, khoa học công nghệ để thúc đẩy công nghiệp hoá. Từ sau năm 1996, Việt Nam bước vào chặng đường đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và dự kiến trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Trong mỗi chặng đường đó lại chia ra các bước đi cụ thể 5 năm, 10 năm với những kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, nhiệm vụ đổi mới toàn diện đất nước.

Một vấn đề có tính nguyên tắc trong quá trình đổi mới là kiên định con đường và mục tiêu XHCN. Đổi mới nhưng không xa rời mục tiêu đó mà thực hiện có hiệu quả mục tiêu đó với những giải pháp đồng bộ, toàn diện và sáng tạo. Đảng và Nhà nước đã thực hiện có kết quả chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đã bước đầu làm rõ những điều kiện bảo đảm cho kinh tế thị trường phát triển theo định hướng XHCN.

Cùng với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước chú trọng xây dựng nền kinh tế tri thức. Trong thời kỳ đổi mới, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm và đã đạt được thành tựu to lớn và hiện nay đang ra sức phấn đấu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Sử dụng có hiệu quả thành tựu tiên tiến của cách mạng khoa học

công nghệ trên thế giới là giải pháp rất được coi trọng để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đảng đã sớm đề ra quan điểm và chính sách để thúc đẩy CNH, HĐH đất nước, sớm đề ra chiến lược giáo dục và đào tạo, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, coi đó là những chiến lược hàng đầu. Tích cực và chủ động tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa đã được Đảng và Nhà nước nhận thức như một xu hướng tất yếu để góp phần thúc đẩy đất nước phát triển. Đảng và Nhà nước cũng chú trọng kế thừa và phát triển những thành quả xây dựng CNXH trong các thời kỳ trước đây, tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo những vấn đề về kinh nghiệm, khoa học tổ chức, quản lý của các nước trên thế giới.

Thực tiễn của công cuộc đổi mới đã làm sáng tỏ hơn khả năng và nội dung bỏ qua chế độ tư bản tiến lên CNXH ở Việt Nam. Sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Cần nhấn mạnh rằng, trong quá trình xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước đã nhận thức ngày càng rõ hơn và vận dụng đúng đắn hơn mối quan hệ giữa phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mối quan hệ giữa xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng kiến trúc thượng tầng chính trị, pháp luật phù hợp. Điều đó thể hiện sự vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan phù hợp với thực tiễn Việt Nam, thể hiện trong quan điểm lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị một cách vững chắc. Lênin từng chỉ rõ, thắng lợi của CNXH chỉ có được khi

nền kinh tế phát triển cao với năng suất lao động hơn hẳn CNTB. Điều đó đòi hỏi phải phát triển nền kinh tế tri thức ở trình độ ngày càng cao. Mục tiêu cao cả của CNXH là thực hiện công bằng xã hội và xây dựng một xã hội lành mạnh với tình yêu thương con người cao cả. Trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã chú trọng phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng kết hợp chặt chẽ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với chiến lược bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phát huy nội lực đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Sử dụng đồng bộ các giải pháp là một kinh nghiệm đồng thời cũng đặt ra yêu cầu phải sử dụng có hiệu quả hơn những giải pháp đó trong chặng đường phát triển sắp tới. “*Để đi lên chủ nghĩa xã hội*, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>7</sup>. Đó vừa là mục tiêu vừa là giải pháp cơ bản để xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới.

Một số kinh nghiệm xây dựng CNXH ở Việt Nam trong những năm đổi mới nêu ra trên đây còn phải tiếp tục tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ về lý luận.

1. V.I. *Lênin Toàn tập*, Tiến bộ, M, 1977, T. 40, tr. 119-120

2, 3, 4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T. 10, tr. 317, 484, 556

5, 6, 7. *Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr. 68, 68, 69.

## HỘI NGHỊ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC

(Tiếp theo trang 73)

sáng tỏ hơn vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình xác định con đường cách mạng của dân tộc Việt Nam, thành lập ĐCS Việt Nam và các chặng đường đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến, kiến quốc. Thể hiện khá rõ nét sự hình thành, phát triển hệ thống tổ chức Đảng các cấp, số lượng, chất lượng đội ngũ đảng viên và các lĩnh vực hoạt động của Đảng. Kết quả của Đề tài góp phần vào quá trình xây dựng công trình Quốc sử của dân tộc.

Hội đồng nghiệm thu khẳng định, so với bản thảo lần nghiệm thu cơ sở, bản Tổng quan lần này đã có sự tu chỉnh cần trọng, thể hiện sự tiếp thu nghiêm túc của Chủ nhiệm đề tài cùng các cộng sự. Các nhà khoa học cũng nghiêm túc đánh giá, chỉ ra những lỗi kỹ thuật, một số sự kiện, nhận định cần thống nhất... để công trình khi được xuất bản sẽ trở thành cuốn chính sử, phục vụ tốt công tác nghiên cứu, học tập và tuyên truyền về lịch sử Đảng.

Đề tài đã sưu tầm được khối tài liệu phong phú từ các kho lưu trữ trong và ngoài nước, ở các cơ quan trung ương và địa phương; tư liệu văn kiện của Đảng, Chính phủ, các đoàn thể và của đối phương; hồi ký của các đảng viên lão thành, nhân chứng lịch sử..., trong đó, nhiều tư liệu lịch sử quý, lần đầu tiên công bố. Khối tư liệu của Đề tài có giá trị lớn đối với công tác của ngành khoa học lịch sử Đảng và lịch sử Việt Nam cận, hiện đại.

Hội đồng nghiệm thu đã đánh giá Đề tài đạt chất lượng **xuất sắc** và đề nghị Ban chủ nhiệm tiếp thu các ý kiến đóng góp của các phản biện cùng các thành viên trong Hội đồng, sớm tu chỉnh, hoàn thiện bản Tổng quan.

Các sản phẩm nghiên cứu của Đề tài được xuất bản góp phần quan trọng vào công tác nghiên cứu, học tập và tuyên truyền lịch sử ĐCS Việt Nam.

NGUYỄN TRỊNH